TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **160**/2025/DS-PT
Ngày: 18 – 4 – 2025.
Về việc "Kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết;

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường, ông Y Phi Kbuôr;

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 86/2025/TLPT-DS ngày 20/01/2025 về việc "Kiện đòi tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2024/DS-ST 27/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2025/QĐ-PT ngày 28/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐ–PT ngày 12/3/2025 và Thông báo về việc chuyển lịch xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số 357/2025/QĐ-PT ngày 04/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phan Thị L, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ liên hệ: Số A L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Duy C. Địa chỉ: Số A L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Quách Thị D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số A Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk -Vắng mặt.

+ Bà Đinh Thị P, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số F N, thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P:

+ Ông Lăng Minh C1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông -Có mặt.

+ Ông Bùi Quang H1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A Đ, phường T, TP ., tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Quách Thị Như Q, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

+ Ông Quách O, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk -Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lăng Minh C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/12/2022 bà Đinh Thị H có cho bà Quách Thị D và bà Đinh Thị Phi M 9.500 kg cà phê nhân xô, thỏa thuận khi nào bà H cần trả thì bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P sẽ trả bằng cà phê hoặc trả bằng tiền cho bà H thì tính theo giá cà phê của thị trường cà phê tại thời điểm trả tiền. Việc mượn cà phê nhân xô thì có viết giấy đề ngày 23/12/2022 do bà Quách Thị D và Đinh Thị P ký và viết ra.

Từ khi mượn 9.500 kg cà phê nhân xô vào ngày 23/12/2022 cho đến nay thì bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P đã trả cho bà H các lần như sau:

- Ngày 04/01/2023, bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P trả số tiền 120.000.000 đồng, tương đương với 3.000kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 04/01/2023 là 40.000 đồng/kg), bà Đinh Thị H không nhớ là ai chuyển tiền cho, bằng hình thức trả tiền mặt hay chuyển khoản.

- Trong năm 2023 - 2024 bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P chuyển tiền cho con gái của bà Đinh Thì H2 là Quách Thị Như Q, sau đó, Như Q đã đưa toàn bộ số tiền này cho bà Đinh Thị H cụ thể như sau:

* **Bà** Quách Thị D **đã trả tổng cộng số tiền là 63.500.000 đồng bao gồm**:

- Ngày 12/6/2023 số tiền 20.000.000 đồng, tương đương với 307,7kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 12/6/2023 là 65.000 đồng/kg);

- Ngày 26/7/2023 số tiền 2.500.000 đồng, tương đương với 37,4kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 26/7/2023 là 66.900 đồng/kg);

- Ngày 26/10/2023 số tiền 5.000.000 đồng, tương đương với 83,1kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 26/10/2023 là 60.200 đồng/kg);

- Ngày 08/02/2024 số tiền 1.000.000 đồng, tương đương với 12,7kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 08/02/2024 là 78.900 đồng/kg);

- Ngày 23/4/2024 số tiền 30.000.000 đồng, tương đương với 234,4kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 23/4/2024 là 128.000 đồng/kg);

- Ngày 11/6/2024 số tiền 5.000.000 đồng, tương đương với 40,3kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 11/6/2024 là 124.000 đồng/kg).

* **Bà** Đinh Thị P **đã trả tổng cộng số tiền là 130.000.000 đồng bao gồm**:

- Ngày 15/6/2023 số tiền 10.000.000 đồng, tương đương với 154,1kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 15/6/2023 là 64.900 đồng/kg);

- Ngày 16/12/2023 số tiền 5.000.000 đồng, tương đương với 75,1kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 16/12/2023 là 66.600 đồng/kg);

- Ngày 28/01/2024 số tiền 5.000.000 đồng, tương đương với 65,3kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 28/01/2024 là 76.600 đồng/kg);

- Ngày 08/4/2024 số tiền 10.000.000 đồng, tương đương với 97,5kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 08/4/2024 là 104.500 đồng/kg);

- Ngày 24/4/2024 số tiền 30.000.000 đồng, tương đương với 231,7kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 24/4/2024 là 129.500 đồng/kg);

- Ngày 29/4/2024 số tiền 20.000.000 đồng, tương đương với 149,3kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 29/4/2024 là 134.000 đồng/kg);

- Ngày 30/6/2024 số tiền 50.000.000 đồng, tương đương với 419,5kg cà phê nhân xô (Giá cà phê nhân xô ngày 30/6/2024 là 119.200 đồng/kg).

Như vậy, bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P đã cho bà H được tổng cộng số tiền **313.500.000 đồng** (tính theo giá cà phê tại ngày trả tiền thì số tiền đã trả tương đương **4.852,355**kg cà phê nhân xô làm tròn **4.852,4 kg**).

Sau đó bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P trả số cà phê còn lại nhưng bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P không chịu trả, mà cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nên bà H làm đơn khởi kiện.

Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được tổng cộng số tiền **313.500.000** đồng = **4.852,4 kg** cà phê nhân xô, số nợ còn lại là **4.647,6kg** cà phê nhân xô. Nên yêu cầu bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P cùng phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đinh Thị H là **4.647,6 kg** cà phê nhân xô. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu ý kiến gì khác.

2. Bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 23/12/2022 bà D và bà P có vay của bà Đinh Thị H tổng số tiền **387.000.000** đồng, do bà H gửi tiền đại lý thu mua nông sản để mua cà phê (không xác định được là tại đại lý nào) nên khi cho vay tiền bà H có quy đổi số tiền vay 387.000.000 đồng thành 9.500kg cà phê nhân xô bà H gửi cà phê tại đại lý (tương đương giá cà phê tại thời điểm vay là 40.000đ/kg). Thoả thuận này được lập thành biên bản do bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P ký nhận ngày 23/12/2022.

Bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P xác nhận 01 Giấy đề ngày 23/12/2022 có nội dung: " … Bà Quách Thị D, Đ/c 197 Y Moan, p Tân Lợi, BMT, Đak L1 và Đinh Thị P, Đ/c 63 Nguyễn Thái B, xã H có nhận của Đinh Thị H, sinh năm 1967, ngụ tại Thôn H, E, Buôn Đ 9.500 kg cà phê …" do nguyên đơn bà Đinh Thị H nộp cho Toà án mà tôi, bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P đã được xem thì đây đúng là chữ ký và chữ viết của bà Quách Thị D và bà Đinh Thị Phi .

Về quá trình trả khoản vay như sau: Sau tiền nên đã yêu cầu bà D và bà P trả lại số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 04/01/2023 bà D, bà P đã trả cho gia đình bà H 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), bà H quy đổi số tiền trên tương đương với 3000 kg cà phê nhân xô.

Sau một khoảng thời gian giá cà phê tăng cao lên đến 64.000 đồng/ kg, bà H đã chốt giá cà phê là 64.000 đồng/kg đối với 6.500kg cà phê còn lại tương đương với số tiền 416.000.000 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu đồng). Do đây là khoản nợ

chung cho nên bà D và bà P đã thỏa thuận mỗi người sẽ trả cho bà H 210.000.000 đồng.

*__Đối với số tiền bà__ D __trả cho bà__ H: Ngày 12/6/2023 bà D trả 20.000.000 đồng; Ngày 26/7/2023 bà D trả 2.500.000 đồng; Ngày 26/10/2023 bà D trả 5.000.000 đồng; Ngày 08/02/2024 bà D trả 1.000.000 đồng; Ngày 23/4/2024 bà D trả 30.000.000 đồng; Ngày 11/6/2024 bà D trả 5.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bà D trả cho bà H là **63.500.000 đồng**. Cho nên, số tiền mà bà D còn nợ bà H là 210.000.000 đồng - 63.500.000 đồng = **146.500.000 đồng**.

*__Đối với số tiền bà__ P __trả cho bà__ H: Ngày 15/6/2023 bà P trả 10.000.000 đồng; Ngày 16/12/2023 bà P trả 5.000.000 đồng; Ngày 28/01/2024 bà P trả 5.000.000 đồng; Ngày 08/4/2024 bà P trả 10.000.000 đồng; Ngày 24/4/2024 bà P trả 30.000.000 đồng; Ngày 29/4/2024 bà P trả 20.000.000đ; Ngày 30/6/2024 bà P trả 50.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bà P đã trả cho bà H là 130.000.000 đồng. Cho nên, số tiền mà bà D còn nợ bà H là 210.000.000đ - 130.000.000đ = 80.000.000 đồng.

Đối với số tiền còn nợ, bà D và bà P có nguyện vọng sẽ trả cho gia đình bà H thành hai đợt vào ngày 30/9/2024 và ngày 30/12/2024. Tuy nhiên, nếu gia đình bà H không chấp nhận với thỏa thuận trên thì tôi đề nghị Tòa án xem xét trên thực tế. Bởi vì:

Thứ nhất: Mặc dù tại giấy viết tay lập ngày 23/12/2022 có thể hiện việc bà D và bà P có ký xác nhận có vay của bà H 9.500kg cà phê. Tuy nhiên, trên thực tế chỉ có quan hệ mượn tiền bà H chứ không mượn cà phê và đã nhận tiền từ bà H số tiền 387.000.000 đồng chứ không nhận 9.500kg cà phê như trong giấy mượn cà phê, giấy mượn cà do các bên tự thỏa thuận với nhau và không ghi rõ trong giấy tờ là có thể trả bằng tiền mặt hay trả bằng cà phê. Việc bà D và bà P nhận tiền cũng được thể hiện qua tin nhắn giữa bà D và chồng của bà H (có tài liệu kèm theo).

Thứ hai*:* Bà D và bà P mượn tiền bà H và trong suốt quá trình trả nợ bà D và bà P đều trả bằng tiền chứ không trả bằng cà phê và cũng được sự đồng ý của bà H. Cụ thể sau khi vay tiền, sau đó 15 ngày gia đình bà H có việc cần tiền nên đã yêu cầu bà D và bà P trả lại số tiền 120.000.000 đồng và ngày 04/01/2023 bà D và bà P đã trả cho gia đình bà H 120.000.000 đồng. Mỗi khi cần tiền bà H lại yêu cầu bà D và bà P trả tiền cho bà H cho tới khi hết khả năng tiếp tục trả nợ.

Thứ ba*:* Mỗi lần trả tiền, bà H cũng không chốt lại nợ, không thống nhất mỗi lần trả tiền, không chốt lại bà D và bà P còn nợ bao nhiêu kg cà phê, cũng không chốt giá cà phê tại thời điểm mỗi lần trả nợ là bao nhiêu. Cả quá trình đòi nợ bà H cũng không đề cập đến số cà phê đã mượn và bà D và bà P cứ thế trả tiền cho bà H mỗi khi bà H yêu cầu trả tiền bà D, bà P đều trả tiền cho bà H.

Cho nên bà D và bà P chỉ chấp nhận trả nợ theo số tiền đã vay là 387.000.000 đồng. Do là khoản nợ chung nên trách nhiệm mỗi người trả một nửa, bà D có trách nhiệm trả bà H 193.500.000 đồng, bà P có trách nhiệm trả cho bà H 193.500.000 đồng. Bà D đã trả cho bà H Tổng số tiền là 123.500.000 đồng . Cho nên, số tiền mà bà D còn nợ bà H là 193.500.000 đồng - 123.500.000 đồng = 70.000.000 đồng;

Bà P đã trả cho bà H là 190.000.000 đồng. Cho nên, số tiền mà bà D còn nợ bà H là 193.500.000 đồng - 190.000.000 đồng = 3.500.000 đồng.

Thực tế, bà D và bà P chỉ mượn tiền bà H và cả quá trình đều trả bằng tiền. Theo quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, thì ý kiến của bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn là phần của bà D có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 70.000.000 đồng và phần bà P có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 3.500.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu ý kiến gì khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Quách Thị Như Q **trình bày:**

Tôi là con ruột của bà Đinh Thị H, việc quan hệ làm ăn cho mượn cà phê giữa mẹ tôi Đinh Thị H với bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P thì tôi không có tham gia và không có liên quan gì và tôi cũng không biết hai bên đã thanh toán cho nhau như thế nào. Tôi chỉ có nghe mẹ tôi bà Đinh Thị H có cho bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P mượn cà phê, còn cụ thể như thế nào thì tôi không rõ.

Trong năm 2023, 2024 thì bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P có nói với tôi là nhờ tôi nhận tiền của bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P sau đó để tôi đưa lại cho mẹ tôi Đinh Thị H, còn đưa tiền để làm gì thì tôi không rõ. Tôi có nhận lời và tôi có nhận được tiền từ bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P sau đó tôi đã đưa toàn bộ số tiền này cho mẹ tôi Đinh Thị H bằng hình thức chuyển khoản cụ thể như sau:

Từ số tài khoản của bà Quách Thị D (tôi không nhớ số tài khoản, ngân hàng nào) đến số tài khoản của tôi 100871890048 Ngân hàng TMCP C2 cụ thể như sau:

- Ngày 12/6/2023 bà Quách Thị D đưa cho tôi số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 26/7/2023 bà Quách Thị D đưa cho tôi số tiền 2.500.000 đồng;
- Ngày 26/10/2023 bà Quách Thị D đưa cho tôi số tiền 5.000.000 đồng;
- Ngày 08/02/2024 bà Quách Thị D đưa cho tôi số tiền 1.000.000 đồng;
- Ngày 24/4/2024 bà Quách Thị D đưa cho tôi số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 11/6/2024 bà Quách Thị D đưa cho tôi số tiền 5.000.000 đồng;

Tổng cộng**: 63.500.000** đồng.

Từ số tài khoản của bà Đinh Thị P (tôi không nhớ số tài khoản, ngân hàng nào) đến số tài khoản của tôi 100871890048 Ngân hàng TMCP C2 cụ thể như sau:

- Ngày 15/6/2023 bà Đinh Thị P đưa cho tôi số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 16/12/2023 bà Đinh Thị P đưa cho tôi số tiền 5.000.000 đồng;
- Ngày 28/01/2024 bà Đinh Thị P đưa cho tôi số tiền 5.000.000 đồng;
- Ngày 08/4/2024 bà Đinh Thị P đưa cho tôi số tiền 10.000.000 đồng;
- Ngày 24/4/2024 bà Đinh Thị P đưa cho tôi số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 29/4/2024 bà Đinh Thị P đưa cho tôi số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 30/6/2024 bà Đinh Thị P đưa cho tôi số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng cộng: **130.000.000** đồng. Ngoài ra tôi không còn nhận khoản tiền nào khác và cũng không còn biết việc gì khác. Ngoài ra không có yêu cầu ý kiến gì khác.

3.2. Ông Quách O **trình bày:**

Tôi là chồng của bà Đinh Thị H, vào năm 2023 (tôi không nhớ thời gian cụ thể) thì tôi có nghe bà Đinh Thị H nói có cho bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P mượn cà phê, còn cụ thể như thế nào thì tôi không rõ. Việc mượn cà phê giữa bà Đinh Thị H với bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P thì tôi không tham gia và không có liên quan gì. Vì đây không phải là cà phê của tôi, số cà phê cho mượn này là của riêng cá nhân bà Đinh Thị H tự làm ăn riêng không có liên quan gì đến gia đình, vợ chồng tôi nên tôi không có quan tâm.

Sau đó (tôi không nhớ thời gian cụ thể) thì tôi có nghe vợ tôi nói bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P mượn cà phê không trả, vợ tôi đã đi đòi nhiều lần nhưng không trả và đến nay đã làm đơn khởi kiện.

Đối với việc bị đơn có cung cấp 05 bản bằng giấy A4 phô tô (Tất cả đều là bản pho to) mà Toà án đã đưa cho tôi xem, theo lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày thì đây là hình ảnh được chụp từ màn hình điện thoại của bà Quách Thị D có nội dung là các tin nhắn giữa bà Quách Thị D và tôi (Q). Thì tôi xác nhận nội dung trong các giấy này là đúng của tôi nhắn tin với bà Quách Thị Diệu .1 Về các nội dung này thì bà Quách Thị D và tôi (Q) có nhắn tin để nói chuyện hàng ngày vì tôi và bà Quách Thị D có quan hệ là cậu cháu, nội dung của các tin nhắn này là nói về chuyện sinh hoạt hàng ngày, dùng tiền bạc trong gia đình chuyện đi vay ngân hàng chuyện mua xe ... Trong quá trình tâm sự thì tôi có nói tiền sinh hoạt hàng ngày gia đình tôi còn phải đi vay mượn, trong khi đó tôi có nghe vợ tôi nói bà Quách Thị D, bà Đinh Thị P mượn cà phê không trả, nên tôi có nhắc khéo với bà D là cà phê ngày càng tăng giá nên giải quyết sớm để sau này khi không giải quyết được dẫn đến việc cậu cháu rất khó xử khi gặp mặt nhau.

Tôi xác định các tin nhắn này không có liên quan gì đến việc cho mượn cà phê giữa vợ tôi Đinh Thị H với bà Quách Thị D, bà Đinh Thị Phi . Ngoài ra không có yêu cầu ý kiến gì khác.

Tại Bản án số 296/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng: Điều 494, Điều 496, Điều 499 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H.

Buộc bà Quách Thị D *và bà* Đinh Thị P *phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà* Đinh Thị H *là 4.647,645kg cà phê nhân xô. Chia theo phần bà* Quách Thị D *có trách nhiệm trả cho bà* Đinh Thị H *là 2.323,8225kg cà phê nhân xô, bà* Đinh Thị P *có trách nhiệm trả cho bà* Đinh Thị H *là 2.323,8225kg cà phê nhân xô.*

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 16/10/2024, đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn bà D, bà P có nghĩa vụ liên đới phải trả cho nguyên đơn bà H 4.647,645kg cà phê nhân xô là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lăng Minh C1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lăng Minh C1 trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lăng Minh C1, nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Đinh Thị H cho rằng bà D, bà P đã mượn của nguyên đơn 9.500 kg (Chín nghìn năm trăm ki lo gam) cà phê nhân xô theo giấy xác nhận ngày 23/12/2022, các bên thỏa thuận khi nào cần thì bà D và bà P trả bằng cà phê hoặc bằng tiền tính theo giá cà phê tại thời điểm trả tiền, nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được số tiền 313.500.000 đồng tương ứng 4.852,4 kg cà phê nhân xô nên yêu cầu bà D, bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H 4.647,6 kg cà phê còn lại. Bị đơn bà D, bà P trình bày đã vay 387.000.000 đồng của bà H. Do bà H gửi tiền mua cà phê tại đại lý thu mua nông sản nên quy đổi thành 9.500 kg cà phê nhân xô, bị đơn không nhận cà phê nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp được giấy xác nhận ngày 23/12/2022, có nội dung bà D, bà P có nhận của bà Đinh Thị H 9.500 kg cà phê. Bà D, bà H đều thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy xác nhận nêu trên. Nội dung giấy mượn cà phê do bà D, bà P là sự tự nguyện, ký xác nhận vào ngày 23/12/2022. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, có căn cứ xác định bà D, bà P đã mượn của bà H 9.500 kg cà phê nhân xô.

Quy đổi theo giá cà phê mà Công ty TNHH MTV X cung cấp tại từng thời điểm trả bằng tiền, tương ứng tổng số lượng cà phê đã trả là 4.852,4 kg. Trong đó, bà D đã trả cho bà H tương ứng số lượng cà phê **2.188,7 kg**; bà P đã trả **2.663,7 kg**,

số lượng cà phê quy đổi mà bà P trả cho bà H nhiều hơn bà D, Các bên đều thừa nhận các bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền **313.500.000 đồng**, trong đó bà D trả **123.500.000 đồng**, bà P trả **190.000.000** đồng tại nhiều thời điểm khác nhau. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà D, bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H 4.647,6 kg cà phê nhân xô là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số nợ cà phê còn lại chia theo phần bằng nhau, bà D, bà P mỗi người có trách nhiệm trả cho bà H 2323,8 kg cà phê nhân xô là không phù hợp, nên cần xác định lại như sau:

+ Số cà phê còn lại bà D phải trả: 9500kg/2 - 2.188,7 kg = 2561,255 kg.

+ Số cà phê còn lại bà P phải trả: 9500kg/2 - 2.663,61 kg = 2086,39 kg.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lăng Minh C1, sửa một phần Bản án sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ của bà D, bà P đối với bà H là khác nhau là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lăng Minh C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lăng Minh C1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2024/DSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2]. Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 494, Điều 496, Điều 499 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Tuyên xử:

[3.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H;

Buộc bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đinh Thị H là 4647,645kg (làm tròn 4647 kg) cà phê nhân xô. Chia theo phần bà Quách Thị D phải trả cho bà Đinh Thị H là 2561 kg cà phê nhân xô (làm tròn số: 2561 kilôgam cà phê nhân xô), bà Đinh Thị P phải trả cho bà Đinh Thị H là 2086,39 kg cà phê nhân xô (làm tròn số: 2086 kilôgam cà phê nhân xô).

[3.2] Về án phí:

[3.2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Quách Thị D và bà Đinh Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.089.000 đồng. Chia theo phần bà Quách Thị D phải chịu 14.928.500 đồng, bà Đinh Thị P phải chịu 12.160.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. (Đã làm tròn).

Hoàn trả cho bà Đinh Thị H số tiền 23.242.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Bà Phan Thị L nộp thay) tại biên lai số AA/2023/0013107 ngày 02/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lăng Minh C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Lăng Minh C1 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Lăng Minh C1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012786 ngày 18/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột.
- Đăng cổng TTĐT TANDTC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Đinh Thị Tuyết